

Số: 25/QĐ-MNNT

Đồng Thịnh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của trường Mầm non Nghĩa Thịnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÀM NON NGHĨA THỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1850 ngày 29/12/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vào dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Xét đề nghị bộ phận kế toán – văn phòng của trường Mầm non Nghĩa Thịnh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ nhà trường và các bộ phận, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KT
- Như Điều 3;
- Lưu:VP



Trương Thị Mai Duyên

Đơn vị: Trường Mầm non Nghĩa Thịnh
Chương: 822

Mẫu biểu số 74

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-MNNT ngày 09/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Mầm non Nghĩa Thịnh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.207
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.207
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	7.207
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.883
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	324
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	

1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chỉ quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	

3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày 09 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Trương Thị Mai Duyên

GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Mầm Non Nghĩa Thịnh

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1130668

DVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	071	Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)	6,882,831,582
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (Trong đó 40% dùng CCTL)	475,200,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	0
			- Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	5,760,000
822	070	071	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)	323,888,840
			Tổng cộng	7,206,720,422

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.